TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1**- ĐẮK LẮK Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST Ngày 15-05-2026 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Ông Vũ Duy Luận

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Duy Tùng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk: Bà Lê Thị Phương Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 15/05/2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 1- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:132/2026/HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXX-ST ngày 02 tháng 04 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/04/2026 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H - sinh năm: 1977(Có mặt)

Địa chỉ: 442B H, phường T, tỉnh Đắk Lắk

-Bị đơn: Ông Phan T- sinh năm: 1970(Vắng mặt)

Địa chỉ: 89 N, phường B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Tôi và ông Phan T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 15/07/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, ông Phan T thường xuyên ghen tuông, hù dọa, cuộc sống riêng tư khủng bố về tinh thần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã,

cuộc sống chung không có H phúc, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, tôi đã cho ông T cơ hội để sửa chữa nhưng ông T không thay đổi.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Phan T. Tôi không đồng ý với lời khai của ông Phan T là để cho vợ chồng tôi cố gắng đoàn tụ trong 18 tháng vì đây là quyền nhân thân của tôi. Tôi không muốn sống với ông T nữa, kính mong Tòa án xem xét.

Tôi và ông Phan T có 01 con chung là cháu Phan Khánh T, sinh ngày: 08/04/2011 hiện cháu đang ở với tôi.

Khi Ly hôn tôi có nguyên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên vì tôi có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Tôi đang là giáo viên trường tiểu học Lê Hồng Phong thu nhập mỗi tháng 15 triệu đồng đủ để nuôi con còn ông T không có việc làm ổn định và thu nhập thấp nên không có đủ điều kiện để nuôi con chung.

Với lại cháu Phan Khánh T đã lớn và có lời khai tại Tòa án là có nguyện vọng được muốn ở với tôi đến năm 18 tuổi, kính mong Tòa án xem xét.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa áa giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2].Bị đơn ông Phan T trình bày:

Tôi và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 15/07/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì trầm trọng, không xúc phạm danh dự nhân phẩm lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng đôi lúc "Cơm không lành, canh không ngọt"đó là lẽ không thể tránh khỏi nhưng tôi và bà H cố gắng vun đắp, nhường nhịn để tránh bất đồng quan điểm sống xây dựng một cuộc sống gia đình H phúc. Nhưng tôi không biết tại sao bà H lại đơn phương xin ly hôn ra Tòa, đương nhiên đó là quyền nhận thân của vợ tôi, vợ tôi có quyền. Tuy nhiên Tòa án phải tìm hiểu cội nguồn xuất phát để có phương pháp hòa giải đoàn tụ tránh một gia đình tan vỡ để cùng nhau nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình. Tôi yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H để tôi và bà H cùng nhau cố gắng tự hòa giải trong thời gian 18 tháng vì tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng. Sau thời gian đó chúng tôi không thể hàn gắn tình cảm được nữa thì tự một trong hai bên làm đơn thuận tình ly hôn để bảo vệ quyền lợi ích của mình.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và

nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu H và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Phan T.

-Về con chung: Giao cháu Phan Khánh T, sinh ngày: 08/04/2011 cho bà Phạm Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên(18 tuổi).

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H và bị đơn ông Phan T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phan T vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan T theo quy định.

[2] Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Phan T là hợp pháp; trong thời gian chung sống, có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng đến nhau nên sinh nghi ngờ dẫn đến cãi vã, hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhưng không thành, tiếp tục mâu thuẫn, từ lâu cuộc sống vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau, bà H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng và đã bỏ ra ngoài sinh sống. Như vậy, giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Phan T không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà Phạm Thị Thu H và ông Phan T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Phan T có 01 con chung là: cháu Phan Khánh T, sinh ngày: 08/04/2011 hiện đang ở bà H.

Xét nguyện vọng của bà Phạm Thị Thu H là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên và xét nguyện vọng của cháu Phan Khánh T là được muốn ở với bà Phạm Thị Thu H. Xét nguyện vọng trên là chính đáng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nên cần giao cháu Phan Khánh T, sinh ngày: 08/04/2011 cho bà Phạm Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi) là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6]. Về án phí bà Phạm Thị Thu H là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Phan T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Khánh T, sinh ngày: 08/04/2011 cho bà Phạm Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi)

Ông Phan T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0001450 ngày 03/02/2026 tại T hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị

cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk
-VKSND KV1-Đắk Lắk
-THADS tỉnh Đắk Lắk
-UBND P. BMT
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ